

Số: 541/TB-SYT

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 4 năm 2020

THÔNG BÁO

Tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ ngành Y tế năm 2021

Căn cứ Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 529/QĐ-SYT ngày 14/4/2020 của Sở Y tế Quảng Ngãi về việc phê duyệt Danh mục nhiệm vụ khoa học công nghệ ngành Y tế năm 2021,

Sở Y tế thông báo về việc tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài khoa học công nghệ ngành Y tế năm 2021, cụ thể như sau:

I. Tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ ngành Y tế năm 2021

Danh mục gồm 15 nhiệm vụ khoa học và công nghệ đính kèm.

II. Thủ tục và thời gian tuyển chọn:

1. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn gồm những văn bản, tài liệu sau:

(1) Đơn đăng ký chủ trì thực hiện Đề tài vận dụng theo Biểu B1-1-ĐON ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN;

(2) Thuyết minh đề tài vận dụng theo Biểu B1-2a- TMĐTCN ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN;

(3) Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ và gửi kèm theo kết quả đánh giá hoạt động hàng năm của tổ chức khoa học và công nghệ (nếu có) vận dụng theo biểu B1-3- LLTC ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN;

(4) Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và các cá nhân đăng ký tham gia chính đề tài/dự án/đề án vận dụng theo Biểu B1-4-LLCN ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN;

(5) Văn bản xác nhận (nếu có) về sự đồng ý của các tổ chức tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ vận dụng theo Biểu B1-5-PHNC ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN;

(6) Báo giá thiết bị, nguyên vật liệu chính cần mua sắm, dịch vụ cần thuê để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (thời gian báo giá không quá 30 ngày tính đến thời điểm nộp hồ sơ) (nếu có).

Mỗi văn bản trong bộ hồ sơ phải có dấu của tổ chức và chữ ký của cá nhân tương ứng như đã quy định trên từng biểu mẫu.

Các biểu mẫu hướng dẫn chi tiết xem tại Website của Sở Y tế Quảng Ngãi tại địa chỉ: www.quangngai.gov.vn/vi/soyt/Pages/home.aspx

Lưu ý: Các tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngành Y tế năm 2021 phải đảm bảo đủ điều kiện theo đúng quy định tại Điều 7 Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

2. Căn cứ xây dựng dự toán đề tài, dự án:

- Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước;
- Quy định chế độ công tác phí hiện hành của tỉnh Quảng Ngãi.
- Các định mức chi, lập dự toán khác của đề tài khoa học và công nghệ không có tại quy định này thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

3. Thời gian và địa điểm nhận hồ sơ:

- **Thời gian:** Chậm nhất vào **17 giờ 00 phút ngày 04/5/2019.**
- **Nơi nhận hồ sơ:** Sở Y tế Quảng Ngãi (Số 19 Nguyễn Chánh, thành phố Quảng Ngãi). Nộp trực tiếp tại văn thư Sở Y tế hoặc gửi qua đường bưu điện (tính theo dấu bưu điện nơi đến).

Hồ sơ trình bày và in trên khổ giấy A4, sử dụng phông chữ tiếng Việt của bộ mã ký tự Unicode theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6909:2001, cỡ chữ 14, số lượng: 08 bản (01 bản chính và 07 bản sao) và 01 bản điện tử của hồ sơ (dạng PDF, gửi đến email: xuanduyensoyte@gmail.com). Toàn bộ hồ sơ được đóng gói, có niêm phong và bên ngoài ghi rõ:

- a. Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngành Y tế;
- b. Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký chủ trì, tên chủ nhiệm nhiệm vụ;
- c. Danh mục tài liệu có trong hồ sơ.

4. Địa chỉ liên hệ:

Phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế Quảng Ngãi (ThS.BS. Nguyễn Thị Xuân Duyên, email: xuanduyensoyte@gmail.com, ĐT: 0255.2211535).

Nơi nhận:

- GD, các PGD Sở Y tế;
- Văn phòng Sở Y tế (đăng thông báo);
- Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Lưu: VT, NVY.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**




Phạm Minh Đức

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ ĐƯỢC CHỌN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NĂM 2021
 (Kèm theo Thông báo số 541 /TB-SYT ngày 14/4/2019 của Sở Y tế Quảng Ngãi)





TT	Tên đề tài	Mục tiêu	Yêu cầu các kết quả chính	Thời gian thực hiện
I. Nội khoa				
1	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và điện sinh lý thần kinh ở những bệnh nhân mắc hội chứng ống cổ tay	1. Khảo sát đặc điểm lâm sàng và điện sinh lý thần kinh trong hội chứng ống cổ tay. 2. Khảo sát mối tương quan giữa đặc điểm lâm sàng và điện sinh lý thần kinh trong hội chứng ống cổ tay.	1. Đặc điểm lâm sàng của hội chứng ống cổ tay; các thông số điện sinh lý thần kinh ở những bệnh nhân mắc hội chứng ống cổ tay. 2. Mối tương quan giữa lâm sàng và điện sinh lý thần kinh, phân độ: nhẹ, trung bình, nặng ở những bệnh nhân mắc hội chứng ống cổ tay.	11 tháng
2	Nghiên cứu tình trạng tăng đường máu và hạ Natri máu trên người bệnh phẫu thuật máu tụ nội sọ	1. Xác định tỷ lệ tăng đường máu và hạ natri máu trên người bệnh phẫu thuật máu tụ nội sọ 2. Tìm hiểu mối tương quan giữa tăng đường máu, hạ natri máu với độ nặng của người bệnh qua thang điểm Glasgow	1. Đánh giá nồng độ glucose huyết tương ở người bệnh sau phẫu thuật máu tụ nội sọ. 2. Đánh giá biến đổi nồng độ natri máu ở người bệnh sau phẫu thuật máu tụ nội sọ. 3. Mối tương quan giữa glucose huyết tương, natri máu với độ nặng của bệnh qua thang điểm Glasgow	11 tháng
3	Nghiên cứu ứng dụng của siêu âm trong chẩn đoán tổn thương dạng nốt tuyến giáp trên phân loại TIRADS – ACR 2017	1. Mô tả đặc điểm hình ảnh của siêu âm trong chẩn đoán tổn thương dạng nốt tuyến giáp. 2. Đối chiếu kết quả của siêu âm dựa trên phân loại TIRADS – ACR 2017 với giải phẫu bệnh.	1. Đặc điểm hình ảnh của siêu âm dựa trên phân loại TIRADS – ACR 2017: số lượng, vị trí, kích thước, thành phần, độ hồi âm, hình dáng, đường bờ, đặc điểm vi vôi hóa của tổn thương. 2. Đối chiếu kết quả siêu âm dựa trên phân loại TIRADS – ACR 2017 với giải phẫu bệnh. 3. Chỉ tiêu cần đạt: số lượng bệnh nhân > 30 bệnh nhân.	11 tháng

TT	Tên đề tài	Mục tiêu	Yêu cầu các kết quả chính	Thời gian thực hiện
4	 <p>Nghiên cứu chẩn đoán sớm biến chứng thận và một số yếu tố liên quan ở bệnh nhân đái tháo đường típ 2 có Microalbumin niệu (+) điều trị ngoại trú</p>	<ol style="list-style-type: none"> Xác định tỉ lệ biến chứng thận sớm ở bệnh nhân đái tháo đường típ 2 bằng xét nghiệm Microalbumin niệu tại địa bàn nghiên cứu. Xác định một số yếu tố liên quan ở bệnh nhân đái tháo đường típ 2 có Microalbumin niệu (+) tại địa bàn nghiên cứu. Đề xuất một số giải pháp phát hiện sớm và giảm tỷ lệ biến chứng thận ở bệnh nhân đái tháo đường típ 2. 	<ol style="list-style-type: none"> Tỉ lệ biến chứng thận sớm ở bệnh nhân đái tháo đường típ 2 được phát hiện nhờ xét nghiệm Microalbumin niệu. Một số yếu tố liên quan ở bệnh nhân đái tháo đường típ 2 có Microalbumin niệu (+) (như: tuổi, giới tính, huyết áp, BMI, thời gian phát hiện bệnh, glucose máu lúc đói, HbA1c, Cholesterol, Triglycerid, HDL cholesterol, v.v...). Một số giải pháp phát hiện sớm và giảm tỷ lệ biến chứng thận ở bệnh nhân đái tháo đường típ 2. 	11 tháng
5	<p>Nghiên cứu tỷ lệ điều trị đạt mục tiêu kiểm soát glucose máu và các yếu tố liên quan ở bệnh nhân đái tháo đường típ 2</p>	<ol style="list-style-type: none"> Xác định tỷ lệ điều trị đạt mục tiêu kiểm soát glucose máu ở đối tượng đái tháo đường típ 2. Đánh giá các yếu tố liên quan: BMI, huyết áp và mỡ máu ở đối tượng nghiên cứu. 	<p>Xác định tỷ lệ điều trị đạt mục tiêu kiểm soát glucose máu (glucose máu lúc đói và HbA1C), đánh giá các yếu tố liên quan: BMI, huyết áp và mỡ máu ở đối tượng đái tháo đường típ 2.</p>	10 tháng

II. Ngoại khoa


6	<p>Đánh giá kết quả phẫu thuật nội soi sử dụng Laser Holmium trong một số bệnh lý tiết niệu</p>	<ol style="list-style-type: none"> Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng ở người bệnh có bệnh lý tiết niệu được phẫu thuật nội soi sử dụng Laser Holmium. Đánh giá kết quả phẫu thuật nội soi sử dụng Laser Holmium trong một số bệnh lý tiết niệu. 	<ol style="list-style-type: none"> Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng ở người bệnh có bệnh lý tiết niệu được phẫu thuật nội soi sử dụng Laser Holmium. Đánh giá tính an toàn của phẫu thuật. Đánh giá tỉ lệ thành công của phẫu thuật và các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả phẫu thuật. 	11 tháng
7	<p>Đánh giá kết quả phẫu thuật nội soi điều trị ung thư đại trực tràng</p>	<ol style="list-style-type: none"> Mô tả triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân ung thư đại trực tràng được phẫu thuật nội soi Đánh giá kết quả sớm phẫu thuật nội soi điều trị ung thư đại trực tràng. 	<p>Đánh giá về sự an toàn của phương pháp này</p>	11 tháng

TT	Tên đề tài	Mục tiêu	Yêu cầu các kết quả chính	Thời gian thực hiện
III. Nhi khoa				
8	 <p>Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của viêm loét dạ dày tá tràng ở trẻ em nhập viện</p>	<p>1. Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của viêm loét dạ dày tá tràng ở trẻ em</p> <p>2. Khảo sát mối liên quan giữa lâm sàng, cận lâm sàng của viêm loét dạ dày tá tràng với kết quả clo test qua nội soi</p>	<p>1. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của viêm loét dạ dày tá tràng ở trẻ em</p> <p>2. Mối liên quan giữa lâm sàng, cận lâm sàng của viêm loét dạ dày tá tràng với kết quả clo test qua nội soi</p>	11 tháng
IV. Sản - Phụ khoa				
9	<p>Đánh giá hiệu quả chuyển giao kỹ thuật thụ tinh nhân tạo</p>	<p>1. Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân hiếm muộn được điều trị bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo.</p> <p>2. Xác định tỷ lệ thành công của phương pháp thụ tinh nhân tạo.</p>	<p>1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu</p> <p>2. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng: chỉ số BMI, tình trạng lông, tóc, mụn trứng cá, tình trạng kinh nguyệt, kích thước tinh hoàn; các bệnh lý nam khoa, phụ khoa hiện mắc; đánh giá dự trữ buồng trứng; chụp tử cung vòi trứng (HSG) đánh giá sự lưu thông của vòi trứng; tinh dịch đồ; đánh giá tình trạng nội tiết thông qua các xét nghiệm Estrogen, progesteron, LH, FSH, Prolactin, testosterone</p> <p>3. Xác định tỷ lệ thành công: tỷ lệ bệnh nhân có chất lượng tinh trùng tăng lên sau điều trị nội khoa; tỷ lệ bệnh nhân khác phục được tình trạng vô sinh nữ: yếu tố cổ tử cung, rối loạn phóng noãn; tỷ lệ: có thai, có thai ngoài tử cung, có thai sinh hóa; tỷ lệ trẻ ra đời;</p>	11 tháng

TT	Tên đề tài	Mục tiêu	Yêu cầu các kết quả chính	Thời gian thực hiện
10	 <p>Nghiên cứu hiệu quả giảm đau đa mô thức: Kết hợp Morphine tủy sống, Paracetamol truyền tĩnh mạch và NSAID đặt hậu môn trên sản phụ phẫu thuật lấy thai</p>	<ol style="list-style-type: none"> Đánh giá hiệu quả giảm đau đa mô thức: kết hợp Morphine tủy sống, paracetamol truyền tĩnh mạch và NSAID đặt hậu môn. Mô tả một số tác dụng không mong muốn của phương pháp giảm đau đa mô thức (ngứa, lạnh run, buồn nôn, nôn, suy hô hấp, đau dạ dày) 	<ol style="list-style-type: none"> Xác định thời gian giảm đau trung bình sau phẫu thuật: thời gian giảm đau hoàn toàn (VAS = 0), thời gian giảm đau hiệu quả (VAS < 3) Đánh giá đau của sản phụ sau phẫu thuật bằng thang đau VAS trong vòng 24 giờ lúc nghỉ và lúc vận động. (H1,H2,H3,H4,H5,H6,H12,H24). Lượng Morphine tính mạch trung bình phải sử dụng thêm sau phẫu thuật trong vòng 24 giờ. Xác định tỷ lệ sản phụ có các tác dụng không mong muốn trên sản phụ giảm đau đa mô thức trong vòng 24 giờ. 	11 tháng

V. Các chuyên khoa lẻ

11	<p>Nghiên cứu điều trị khe hở vòm bằng phương pháp chuyển vạt cơ</p>	<ol style="list-style-type: none"> Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng khe hở vòm miệng bẩm sinh Đánh giá kết quả kỹ thuật phẫu thuật chuyển vạt cơ. 	<ol style="list-style-type: none"> Mô tả các đặc điểm lâm sàng của khe hở vòm miệng bẩm sinh. Xác định các nguyên nhân gây ra khe hở vòm miệng bẩm sinh. Đánh giá kết quả ban đầu của phẫu thuật theo phương pháp chuyển vạt cơ. 	11 tháng
12	<p>Nghiên cứu tình trạng dinh dưỡng và thực trạng nuôi dưỡng bệnh nhân phẫu thuật cắt nối đường tiêu hóa</p>	<ol style="list-style-type: none"> Đánh giá tình trạng dinh dưỡng người bệnh trước và sau phẫu thuật cắt nối đường tiêu hóa 7 ngày Mô tả thực trạng nuôi dưỡng người bệnh 7 ngày sau phẫu thuật cắt nối đường tiêu hóa 	<ol style="list-style-type: none"> Tình trạng dinh dưỡng bệnh nhân trước phẫu thuật đường tiêu hóa Tình trạng dinh dưỡng bệnh nhân sau 7 ngày phẫu thuật đường tiêu hóa Tình trạng thay đổi cân nặng sau phẫu thuật 1 tuần. Các phương pháp nuôi dưỡng sau phẫu thuật Thời gian trung bình bắt đầu nuôi ăn bằng đường tiêu hóa sau phẫu thuật. Giá trị dinh dưỡng trong 7 ngày sau phẫu thuật. 	11 tháng

TT	Tên đề tài	Mục tiêu	Yêu cầu các kết quả chính	Thời gian thực hiện
13	 <p>Đánh giá hiệu quả mô hình can thiệp tâm lý Nhận thức - Hành vi cho bệnh nhân rối loạn lo âu lan tỏa điều trị tại tỉnh Quảng Ngãi</p>	<ol style="list-style-type: none"> Mô tả đặc điểm lâm sàng và một số yếu tố liên quan của rối loạn lo âu lan tỏa trên bệnh nhân điều trị tại Quảng Ngãi. Xây dựng mô hình can thiệp tâm lý Nhận thức - Hành vi cho bệnh nhân rối loạn lo âu lan tỏa điều trị tại Quảng Ngãi. Đánh giá hiệu quả mô hình can thiệp tâm lý Nhận thức - Hành vi cho bệnh nhân rối loạn lo âu lan tỏa tại Quảng Ngãi. 	<ol style="list-style-type: none"> Mô tả tương tự đầy đủ các đặc điểm lâm sàng và tìm hiểu, đánh giá một số yếu tố liên quan của rối loạn lo âu lan tỏa. Xây dựng mô hình can thiệp tâm lý phù hợp, hiệu quả. Đánh giá hiệu quả phương pháp can thiệp tâm lý Nhận thức - Hành vi trong chữa trị rối loạn lo âu lan tỏa tại bệnh viện thông qua so sánh với việc chỉ trị liệu hóa dược, hoặc kết hợp giữa trị liệu hóa dược và trị liệu tâm lý. 	11 tháng

VI. Y tế công cộng

14	<p>Khảo sát thực trạng bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng trên địa bàn huyện/thị xã/thành phố</p>	<ol style="list-style-type: none"> Mô tả thực trạng bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng trên địa bàn huyện/thị xã/thành phố Đánh giá thực trạng công tác quản lý, chăm sóc bệnh tăng huyết áp và bệnh đái tháo đường tại cộng đồng trên địa bàn nghiên cứu 	<ol style="list-style-type: none"> Mô tả thực trạng bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng trên địa bàn huyện/thị xã/thành phố Đánh giá thực trạng công tác quản lý, chăm sóc bệnh tăng huyết áp và bệnh đái tháo đường tại cộng đồng trên địa bàn nghiên cứu 	11 tháng
15	<p>Đánh giá thực trạng an toàn thực phẩm của nguyên liệu thực phẩm tại các bếp ăn tập thể nhà máy, xí nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2021</p>	<ol style="list-style-type: none"> Đánh giá thực trạng an toàn thực phẩm của nguyên liệu thực phẩm tươi sống trong bếp ăn tập thể. Đề xuất các giải pháp can thiệp để nâng cao an toàn thực phẩm trong các bếp ăn tập thể. 	<ol style="list-style-type: none"> Đánh giá nguồn gốc nguyên liệu thực phẩm tươi sống Giám sát các chỉ tiêu dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trên rau, củ, quả; chất cấm sử dụng có trong nguyên liệu thủy sản và thịt tươi sống Kết quả mối tương quan về nguồn gốc và kết quả giám sát mối nguy ô nhiễm thực phẩm 	11 tháng